

Bản án số: **04/2025/HS-PT.**

Ngày: 03/01/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu

Ông Nguyễn Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 139/2024/TLPT-HS ngày 07/11/2024 đối với các bị cáo Nguyễn Quốc N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Quốc N (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 23/12/1989, tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị P; vợ, con: chưa có; Tiền án: Không có. Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/3/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Bị hại liên quan đến kháng cáo: Ông Võ Văn Q, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Những người không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử không triệu tập gồm: Người làm chứng gồm các ông, bà: Võ Thanh B, Võ Ngọc P1, Nguyễn Thị Bích T1, Trần Văn Ú, Võ Thị Thanh H, Võ Thị Thanh H1, Trần Thị Út H2, Võ Thanh P2,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 21/01/2024 vợ chồng ông Võ Thanh B và bà Nguyễn Thị Bích T1, cùng ngụ ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có mâu thuẫn cự cãi và đánh nhau. Cùng lúc này Võ Văn Q đi qua trước nhà của chị Võ Thị P3 (chị ruột của Q) ngồi nói chuyện chơi, Q ngồi trên mô đất cặp lộ đèo đôi diện nhà bà T1, bà T1 thấy Q cầm điện thoại trên tay, cho rằng Q đang cầm điện thoại quay video chuyện vợ chồng bà T1 cãi vã đánh nhau nên bà T1 dùng dép đánh vào người Q. Sau đó, giữa bà T1 và Quan cự cãi, đánh nhau qua lại, bà T1 cắn vào vùng đùi trái của Q gây thương tích, thấy bà T1 và Q đánh nhau Võ Thị Thanh H1 là con gái bà T1 điện thoại cho bị cáo Nguyễn Quốc N (em ruột bà T1) thông báo sự việc. Khoảng 05 phút sau bị cáo N điều khiển xe đến nhà bà T1, khi đi bị cáo có mang theo 01 cây yếm, đến nơi bị cáo hỏi “ai đánh chị tao” thì Q trả lời “tao đánh chị mày đó, mày làm gì tao”, thì bị cáo N và Q đánh nhau, bị cáo N cầm dao bằng tay phải chém vào vùng đầu của Q 02 dao gây thương tích; Còn Q dùng một thanh kim loại hình chữ nhật đánh vào đầu bị cáo N 01 (một) cái gây thương tích. Sau đó, bị cáo N đi về, do vết thương nhẹ nên không đi nằm viện, tự nhờ người khác sơ cứu vết thương cho mình và mua thuốc uống. Còn Q được người nhà đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện H3 từ ngày 21/01/2024 đến ngày 23/01/2024 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 44/KLTTCT- TTPYST, ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh S đối với bị hại Võ Văn Q, kết luận: Sẹo vùng đỉnh trái, kích thước lớn; căn cứ vào Bảng 1, C, Mục I.3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03% (Ba phần trăm); Sẹo xuôi vùng trán trái, kích thước trung bình; căn cứ vào Bảng 1, C, Mục I.2 và phần nguyên tắc 2 Chương 8. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 06% (Sáu phần trăm); Vết rối loạn sắc tố da vùng má trái và 05 vết rối loạn sắc tố da vùng gò trái; căn cứ vào Bảng 1, C, Mục V. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01% (Một phần trăm). Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Võ Văn Q tại thời điểm giám định là 10% (Mười phần trăm), áp dụng phương pháp cộng dồn tại Thông tư.

- Kết luận khác: Các tổn thương vùng đỉnh trái, trán trái, má trái có đặc điểm do vật sắc gây nên; các tổn thương vùng gò phải không rõ tính chất của tổn thương không xác định vật gây thương tích; Các tổn thương vùng đầu mặt nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng; Các tổn thương trên là tổn thương phần mềm chưa ảnh hưởng đến tính mạng.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 54/KLTTCT-TTPYST, ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh S đối với bị cáo Nguyễn Quốc N, kết luận: Sẹo nhâm nhỡ vùng trán trái có tóc che, kích thước trung bình; Các vết rối loạn sắc tố da cánh tay phải; Trầy xước vùng

lưng trái và bầm cánh tay phải đã khỏi. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Quốc N tại thời điểm giám định là 03% (Ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng dồn tại Thông tư.

- Kết luận khác: Tổn thương vùng đầu có đặc điểm do vật tày gây nên, không xác định được vật gây thương tích vùng cánh tay phải, trái, lưng trái.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thu giữ: 01 (một) cây dao yếm dài 45 cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm, màu đen, dao có một bề lưỡi rộng 4,5cm và 01 thanh kim loại màu xám hình chữ nhật, rỗng ruột có kích thước 120cm x 4cm x 2cm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST, ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc N, phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Điều 38, khoản 1 Điều 47; Điều 50; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 155; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; Điều 282; Điều 299; Điều 326; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo: Võ Văn Q, sinh ngày 01-01-1991, nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm ruộng. Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng truy tố về tội “Cố ý gây thương tích”. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Quốc N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Văn Q có trách nhiệm bồi thường cho bị cáo Nguyễn Quốc N số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Đối với số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) bị cáo Võ Văn Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú theo phiếu thu số 0000323 ngày 16/9/2024 tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú quản lý để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc N có trách nhiệm bồi thường cho bị cáo Võ Văn Q tổng số tiền 49.561.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Ngày 09/10/2024, bị cáo Nguyễn Quốc N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xin giảm nhẹ mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Quốc N vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, bị hại không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình phạt; Về trách nhiệm dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm giảm một phần trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét đơn kháng cáo của bị cáo lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm ngày 09/10/2024 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Vào khoảng hơn 17 giờ ngày 21/01/2024, bị cáo và Q xảy ra đánh nhau do, trước đó giữa Q và chị ruột của bị cáo có xô xát đánh nhau nên bị cáo cầm dao bằng tay phải chém vào vùng đầu của bị cáo Q 02 dao gây thương tích. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo 06 tháng tù là đã cân nhắc, chiếu cố cho bị cáo, mức hình phạt đầu khung và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo

kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hay tình tiết giảm nhẹ nào mới, cũng như không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo: Xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân tốt không tiền án tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm mà bị cáo thực hiện hiện nay có chiều hướng ngày càng gia tăng, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự ở địa phương. Đồng thời, bị cáo phạm tội có tình tiết định khung là “phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 02 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Q có tiền 49.561.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn đồng*). Trong đó, chi phí điều trị theo toa thuốc là 14.661.000 đồng; chi phí tàu xe đi điều trị thương tích 7.000.000 đồng; chi phí mất thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh 04 ngày số tiền 2.400.000 đồng và tiền thời gian phục hồi sức khỏe theo ngày công 07 ngày là 2.100.000 đồng. Tổng cộng 26.161.000 đồng bị cáo đồng ý bồi thường các khoản này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với khoản tiền tiền bồi thường tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở bị cáo không đồng ý bồi thường. Xét thấy, thương tích của bị hại Q là do bị cáo gây ra nên phải có trách nhiệm bồi thường. Tuy nhiên, sự việc xảy ra

bị hại cũng có một phần lỗi, cũng gây thương tích cho bị cáo và bị khởi tố xét xử nhưng do tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo rút yêu cầu khởi tố đối với bị hại Quan nên cấp sơ thẩm đình chỉ không xét xử bị hại Q về “tội cố ý gây thương tích”. Nhưng về hậu quả bị hại cũng phải chịu một phần trách nhiệm, thương tích bị hại 10%, thương tích bị cáo 3%, bị cáo yêu cầu bị hại bồi thường chi phí điều trị vết thương 2.000.000 đồng, còn các khoản chi phí khác không yêu cầu, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nhưng về xác định mức độ tổn thất tinh thần. Sau khi xem xét đáng giá toàn diện sự việc, hành vi của bị cáo, bị hại Hội đồng xét xử thấy rằng mức bồi thường tổn thất tinh thần 10 tháng lương là cao so với thực tế thương tích và tổn thất tinh thần của bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo giảm một phần trách nhiệm về bồi thường tổn thất tinh thần của bị cáo cho bị hại là buộc bị cáo bồi thường 05 tháng lương cơ sở với số tiền là 11.700.000 đồng. Vì vậy, tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 37.861.000 đồng.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm, về trách nhiệm dân sự và giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần và bản án sơ thẩm bị sửa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí dân sự được điều chỉnh cho phù hợp và bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[9] Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

2. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc N: 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Quốc N có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Võ Văn Q tổng số tiền 37.861.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Võ Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo Nguyễn Quốc N còn phải trả lãi cho Võ Văn Q theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng và 1.893.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

6. Các phần quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản)
- TAND huyện Mỹ Tú (02 bản);
- VKSND huyện Mỹ Tú (01 bản);
- CQĐT- Công huyện Mỹ Tú (01 bản);
- CQTHAHS-CA huyện Mỹ Tú (01 bản);
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú (01 bản);
- Bị cáo (01).
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV- Công an tỉnh Sóc Trăng (01)
- Sở Tư pháp (01);
- Lưu HSVA, THS (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy